

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

## MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-37

---

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### 1. Thông tin chung về Công ty:

##### Thành lập:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước là Công Ty Sách và Thiết Bị Trường Học Đà Nẵng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Đà Nẵng theo Quyết định số 26/2004/QĐ-UB ngày 24 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000288, đã đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0400465793, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Công ty bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 25 tháng 05 năm 2004.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: 30.000.000.000 đồng.

**Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần

**Lĩnh vực kinh doanh:** sách thiết bị trường học

##### Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: bán buôn sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm.
- In ấn. Chi tiết: in ấn sách giáo khoa, biểu mẫu, hồ sơ sổ sách phục vụ ngành giáo dục và in bao bì giấy nhựa. In gia công, tham gia khai thác các loại ấn phẩm khác.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). Bán buôn trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, dụng cụ nghe nhìn.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh, kho.
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi. Chi tiết: sản xuất đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học.
- Sản xuất khác chưa được phân đầu vào đầu. Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị cho phòng thí nghiệm.
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ nghe nhìn.
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: sản xuất thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm dạy học, sản phẩm điện tử.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu vào đầu. Chi tiết: bán buôn đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm máy vi tính dạy học, sản phẩm điện tử. Xuất khẩu sản phẩm văn hóa phẩm giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị vi tính, điện tử, giấy in các loại.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Hoạt động kinh doanh của Công ty (tiếp theo):**

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân đầu vào đầu. Chi tiết: kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Chi tiết: thiết kế mỹ thuật, tạo mẫu.
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: nhận ủy thác mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: tư vấn cho ngành giáo dục về công tác sách và thiết bị trường học, tham gia hỗ trợ chuyên môn và phát triển công tác sách, thiết bị, thư viện nhà trường.

**Tên tiếng anh:** DANANG BOOKS AND SCHOOL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** DANABOOK

**Mã chứng khoán:** BED - giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Trụ sở chính:** 76 - 78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

**2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

**3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Cần	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Bà Trần Thái Thuận	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Khương Tịnh	Trưởng ban
Ông Huỳnh Nguyên Văn	Thành viên
Bà Kiều Thị Khánh Phương	Thành viên

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Văn Cần	Giám Đốc
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Phó Giám đốc
Bà Trương Thị Hào	Phó Giám đốc
Ông Lê Mạnh	Kế toán trưởng

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:**

Ông Nguyễn Văn Cần	Giám Đốc
--------------------	----------



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**4. Kiểm toán độc lập**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) tại Đà Nẵng được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**6. Xác nhận**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Cần  
Chủ tịch





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
 Auditing & Informatic Services Company Limited  
 Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
 Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957  
 Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 05.16.45/AISC-TC-DN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG, được lập ngày 27 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2017**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

*nguyenthiet*

**NGUYỄN THỊ HIỆP**

Số GCNĐKHNKT: 1401-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*huynhtieu*  
**HUỶNH TIÊU PHỤNG**

Số GCNĐKHNKT: 1269-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>24.852.500.390</b>	<b>27.006.385.499</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>12.321.869.526</b>	<b>16.969.336.118</b>
1. Tiền	111		921.869.526	969.336.118
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.400.000.000	16.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.233.381.061</b>	<b>1.426.883.954</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.166.520.816	1.283.411.376
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	55.042.356	91.579.602
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	43.128.889	83.203.976
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,6	(31.311.000)	(31.311.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>9.273.619.010</b>	<b>8.606.661.563</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.273.619.010	8.606.661.563
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.630.793</b>	<b>3.503.864</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	23.630.793	3.503.864
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.019.158.359</b>	<b>26.154.120.074</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.133.956.988</b>	<b>25.508.336.412</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.912.443.629	13.401.786.575
- Nguyên giá	222		14.029.254.785	35.049.542.191
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.116.811.156)	(21.647.755.616)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	16.221.513.359	12.106.549.837
- Nguyên giá	228		16.221.513.359	12.106.549.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.10	<b>8.677.996.741</b>	-
- Nguyên giá	231		21.921.996.540	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.243.999.799)	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	-	<b>490.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	490.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>207.204.630</b>	<b>155.783.662</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	207.204.630	155.783.662
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>53.871.658.749</b>	<b>53.160.505.573</b>

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 6



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.793.798.880</b>	<b>9.725.104.822</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.512.002.404</b>	<b>8.408.085.846</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	5.939.829.068	6.672.484.337
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.306.495	165.972.535
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	737.103.950	795.987.497
4. Phải trả người lao động	314	V.14	147.893.774	196.341.959
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	505.992.646	507.703.728
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	145.441.778	59.157.527
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.434.693	10.438.263
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.281.796.476</b>	<b>1.317.018.976</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	1.281.796.476	1.317.018.976
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>45.077.859.869</b>	<b>43.435.400.751</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>45.077.859.869</b>	<b>43.435.400.751</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi			-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.707.300.000	2.707.300.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.285.694.321	6.047.672.930
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.084.865.548	4.680.427.821
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.084.865.548	4.680.427.821
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>53.871.658.749</b>	<b>53.160.505.573</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Mai Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Mạnh

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2017



Nguyễn Văn Cần



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	71.464.956.941	67.723.869.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	159.164.594	186.231.647
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.3</b>	<b>71.305.792.347</b>	<b>67.537.637.714</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	51.389.786.447	46.954.446.451
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>19.916.005.900</b>	<b>20.583.191.263</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	765.190.570	728.415.769
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	2.040.372	62.416.667
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.040.372</i>	<i>62.416.667</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	11.075.553.144	12.446.101.813
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.483.298.960	2.627.399.126
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>7.120.303.994</b>	<b>6.175.689.426</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.8	664.337.308	307.578.315
12. Chi phí khác	32	VI.9	100.627.472	257.478.273
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>563.709.836</b>	<b>50.100.042</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>7.684.013.830</b>	<b>6.225.789.468</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.531.948.282	1.380.071.647
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>6.152.065.548</b>	<b>4.845.717.821</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.926	1.507
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	1.926	1.507

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Mai Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Mạnh

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2017



Nguyễn Văn Cần

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.684.013.830	6.225.789.468
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	1.855.755.296	2.138.221.383
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.5	(660.834.783)	(557.270.294)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	2.040.372	62.416.667
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.880.974.715	7.869.157.224
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		174.362.076	(243.887.954)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(666.957.447)	(470.394.612)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(902.901.978)	469.734.073
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(51.420.968)	163.848.708
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.040.372)	(62.416.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(1.598.331.986)	(1.509.636.204)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(204.610.000)	(341.910.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.629.074.040</b>	<b>5.874.494.568</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(5.159.372.613)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		70.706.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2	490.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.5	589.142.307	561.030.293
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.009.523.942)</b>	<b>561.030.293</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước là Công Ty Sách và Thiết Bị Trường Học Đà Nẵng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Đà Nẵng theo Quyết định số 26/2004/QĐ-UB ngày 24 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000288, đã đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0400465793, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Công ty bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 25 tháng 05 năm 2004.

**2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.****3. Lĩnh vực kinh doanh: sách thiết bị trường học****4. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: bán buôn sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm.
- In ấn. Chi tiết: in ấn sách giáo khoa, biểu mẫu, hồ sơ sổ sách phục vụ ngành giáo dục và in bao bì giấy nhựa. In gia công, tham gia khai thác các loại ấn phẩm khác.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). Bán buôn trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, dụng cụ nghe nhìn.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh, kho.
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi. Chi tiết: sản xuất đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học.
- Sản xuất khác chưa được phân đầu vào đầu. Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị cho phòng thí nghiệm.
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ nghe nhìn.
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: sản xuất thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm dạy học, sản phẩm điện tử.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu vào đầu. Chi tiết: bán buôn đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm máy vi tính dạy học, sản phẩm điện tử. Xuất khẩu sản phẩm văn hóa phẩm giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị vi tính, điện tử, giấy in các loại.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch.
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân đầu vào đầu. Chi tiết: kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Chi tiết: thiết kế mỹ thuật, tạo mẫu.
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: nhận ủy thác mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: tư vấn cho ngành giáo dục về công tác sách và thiết bị trường học, tham gia hỗ trợ chuyên môn và phát triển công tác sách, thiết bị, thư viện nhà trường.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

### 6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Không có

### 7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016: 118 nhân viên.

(Tổng số nhân viên đến 31/12/2015: 124 người).

### 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, hàng gửi bán: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo sản lượng thành phẩm.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..

**6.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

*Nhà xưởng, vật kiến trúc* 5 - 25 năm

*Máy móc, thiết bị* 2 - 7 năm

*Phương tiện vận tải, truyền dẫn* 4 - 10 năm

*Thiết bị, dụng cụ quản lý* 3 năm

*Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.*

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:**

**Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư:** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá của bất động sản đầu tư:** Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: (tiếp theo)

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư:** khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:*

*Nhà xưởng, vật kiến trúc* 5 - 25 năm

*Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.*

### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: tiền thuê đất, chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Tiền thuê đất phân bổ từ 4 đến 10 năm.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần.**

**Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng quản trị hàng năm.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên thu nhập chịu thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 18. Công cụ tài chính:

#### Ghi nhận ban đầu:

##### Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

##### Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

### 20. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
<b>Tiền</b>	<b>921.869.526</b>	<b>969.336.118</b>
Tiền mặt	95.743.640	49.579.276
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	826.125.886	919.756.842
+ Ngân hàng Công Thương Đà Nẵng	126.379.824	227.007.003
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Liên Chiểu	39.903.490	113.228.958
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	54.808.715	24.118.158
+ CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tp. Đà Nẵng	502.321.292	534.232.348
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	102.712.565	21.170.375
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>11.400.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		
+ CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tp. Đà Nẵng	11.400.000.000	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.321.869.526</b>	<b>16.969.336.118</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính (xem trang 35)****3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.166.520.816</b>	<b>(31.311.000)</b>	<b>1.283.411.376</b>	<b>(31.311.000)</b>
Khách hàng trong nước	1.166.520.816	(31.311.000)	1.283.411.376	(31.311.000)
- Cty TNHH Sách Đà Nẵng	-	-	187.888.144	-
- Cty CP QC và DV VH Đà Nẵng	-	-	120.826.041	-
- Cty TNHH TM và DV Tân Tây Lan	291.452.252	-	270.000.000	-
- Cty TNHH MTV ABLINE	129.477.754	-	57.604.400	-
- Cty TNHH In và Quảng cáo Hoa Huân	131.750.000	-	-	-
- Khách hàng khác	613.840.810	(31.311.000)	647.092.791	(31.311.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.166.520.816</b>	<b>(31.311.000)</b>	<b>1.283.411.376</b>	<b>(31.311.000)</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nhà cung cấp trong nước	55.042.356	-	91.579.602	-
- Cty CP Đầu tư & Phát triển Giáo Dục ĐN	55.042.356	-	85.249.264	-
- Nhà cung cấp khác	-	-	6.330.338	-
<b>Cộng</b>	<b>55.042.356</b>	<b>-</b>	<b>91.579.602</b>	<b>-</b>

## 5. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>43.128.889</b>	<b>-</b>	<b>83.203.976</b>	<b>-</b>
Phải thu người lao động	-	-	4.208.337	-
Phải thu khác	43.128.889	-	78.995.639	-
<i>Phải thu tiền BH</i>	-	-	36.852.862	-
<i>Lãi tiền gửi NH Đầu tư và PT CN Đà Nẵng</i>	43.128.889	-	42.142.777	-
<b>Cộng</b>	<b>43.128.889</b>	<b>-</b>	<b>83.203.976</b>	<b>-</b>

## 6. Nợ xấu (xem trang 33)

## 7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	540.403.821	-	417.566.406	-
Thành phẩm	103.485.214	-	69.852.552	-
Hàng gửi đi bán	7.768.457.093	-	7.122.481.912	-
Hàng hoá	861.272.882	-	996.760.693	-
<b>Cộng</b>	<b>9.273.619.010</b>	<b>-</b>	<b>8.606.661.563</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.
- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

## 8. Tài sản cố định hữu hình (xem chi tiết trang số 34)

## 9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	12.106.549.837	12.106.549.837
<i>Mua trong năm</i>	4.114.963.522	4.114.963.522
Số dư cuối năm	16.221.513.359	16.221.513.359

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	12.106.549.837	12.106.549.837
Số dư cuối năm	16.221.513.359	16.221.513.359

\* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.330.204.600 VND

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: VNĐ.

**10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư****a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

Khoản mục	Nhà cửa	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	-	-
<i>Chuyển từ tài sản cố định hữu hình</i>	21.921.996.540	21.921.996.540
Số dư cuối năm	21.921.996.540	21.921.996.540
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
<i>Chuyển từ tài sản cố định hữu hình</i>	13.243.999.799	13.243.999.799
Số dư cuối năm	13.243.999.799	13.243.999.799
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	8.677.996.741	8.677.996.741

\* Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT cho thuê dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 7.788.583.414 VND.

\* Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 2.031.998.791 VND.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí thuê đất	71.761.686	138.003.248
Chi phí công cụ dụng cụ	135.442.944	13.593.050
Giá trị còn lại của các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá	-	4.187.364
<b>Cộng</b>	<b>207.204.630</b>	<b>155.783.662</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả người bán	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Nhà cung cấp trong nước	5.939.829.068	5.939.829.068	6.672.484.337	6.672.484.337
<i>Cty TNHH MTV DVVH Khang Việt</i>	691.850.863	691.850.863	1.087.836.257	1.087.836.257
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	5.247.978.205	5.247.978.205	5.584.648.080	5.584.648.080
<b>Cộng</b>	<b>5.939.829.068</b>	<b>5.939.829.068</b>	<b>6.672.484.337</b>	<b>6.672.484.337</b>
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
<i>Công ty TNHH Nguyễn Huy</i>	88.001.364	88.001.364	28.042.519	28.042.519
<b>Cộng</b>	<b>88.001.364</b>	<b>88.001.364</b>	<b>28.042.519</b>	<b>28.042.519</b>
<b>13. Người mua trả tiền trước</b>			31/12/2016	01/01/2016
<b>a. Ngắn hạn</b>			4.306.495	165.972.535
Khách hàng trong nước			4.306.495	165.972.535
<b>Cộng</b>			<b>4.306.495</b>	<b>165.972.535</b>
<b>14. Phải trả người lao động</b>			31/12/2016	01/01/2016
Phải trả người lao động			147.893.774	196.341.959
<b>Cộng</b>			<b>147.893.774</b>	<b>196.341.959</b>
<b>15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	205.559.859	1.469.484.412	1.463.844.255	211.200.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	590.427.638	1.531.948.282	1.598.331.986	524.043.934
Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn	-	216.051.789	214.191.789	1.860.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	155.651.722	155.651.722	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>795.987.497</b>	<b>3.380.136.205</b>	<b>3.439.019.752</b>	<b>737.103.950</b>
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	3.503.864	37.529.802	57.656.731	23.630.793
<b>Cộng</b>	<b>3.503.864</b>	<b>37.529.802</b>	<b>57.656.731</b>	<b>23.630.793</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>16. Doanh thu chưa thực hiện</b>		<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>505.992.646</b>	<b>507.703.728</b>
Doanh thu chưa thực hiện		505.992.646	507.703.728
<b>Cộng</b>		<b>505.992.646</b>	<b>507.703.728</b>
<b>17. Phải trả khác</b>		<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>145.441.778</b>	<b>59.157.527</b>
Bảo hiểm xã hội		632.988	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		20.000.000	-
Phải trả khác		124.808.790	59.157.527
<i>Cổ tức phải trả</i>		<i>33.801.936</i>	<i>16.818.626</i>
<i>Phải trả khác</i>		<i>67.376.061</i>	<i>42.338.901</i>
<i>Phải trả tạm ứng</i>		<i>23.630.793</i>	-
<b>b. Dài hạn</b>		<b>1.281.796.476</b>	<b>1.317.018.976</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		1.281.796.476	1.317.018.976
<b>Cộng</b>		<b>1.427.238.254</b>	<b>1.376.176.503</b>
<b>18. Vốn chủ sở hữu</b>			
<b>a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem trang số 36)</b>			
<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>			
	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Vốn góp của Nhà nước	0,00%	-	11.152.800.000
Ông Nguyễn Văn Cần	23,81%	7.143.950.000	7.143.950.000
Thái Văn May	11,99%	3.596.500.000	-
Lê Trường Kỳ	20,82%	6.244.800.000	-
Huỳnh Phước Huyền Vy	16,67%	5.000.000.000	-
Vốn góp của các đồng khác	26,72%	8.014.750.000	11.703.250.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
<i>Vốn góp đầu năm</i>		<i>30.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>
<i>Vốn góp cuối năm</i>		<i>30.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		<b>(4.284.000.000)</b>	<b>(3.900.000.000)</b>
<b>d. Cổ tức</b>		<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ			
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i>		<i>chưa công bố</i>	<i>14,28%</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>
<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Quỹ đầu tư phát triển	6.285.694.321	6.047.672.930
<b>Cộng</b>	<b>6.285.694.321</b>	<b>6.047.672.930</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

*Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	62.311.302.390	58.848.938.821
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	9.153.654.551	8.874.930.540
<b>Cộng</b>	<b>71.464.956.941</b>	<b>67.723.869.361</b>
<b>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Công ty TNHH Nguyên Huy	42.067.270	57.472.730
<b>Cộng</b>	<b>42.067.270</b>	<b>57.472.730</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Hàng bán bị trả lại	159.164.594	186.231.647
<b>Cộng</b>	<b>159.164.594</b>	<b>186.231.647</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	62.152.137.796	58.662.707.174
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	9.153.654.551	8.874.930.540
<b>Cộng</b>	<b>71.305.792.347</b>	<b>67.537.637.714</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ	49.386.736.130	46.269.423.910
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	2.003.050.317	685.022.541
<b>Cộng</b>	<b>51.389.786.447</b>	<b>46.954.446.451</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 25

131  
H  
: O  
T  
M  
N  
C  
Đ  
1/0

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2016	Năm 2015
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi; tiền cho vay	498.703.419	503.370.294
Cổ tức, lợi nhuận được chia	56.425.000	53.900.000
Lãi chuyển nhượng vốn	35.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	175.062.151	171.145.475
<b>Cộng</b>	<b>765.190.570</b>	<b>728.415.769</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	2.040.372	62.416.667
<b>Cộng</b>	<b>2.040.372</b>	<b>62.416.667</b>
<b>7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	7.039.572.921	6.855.410.589
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	106.080.000	247.881.860
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	80.640.875	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	249.327.562	1.931.290.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.506.697.332	3.368.267.403
Chi phí bằng tiền khác	93.234.454	43.251.367
<b>Cộng</b>	<b>11.075.553.144</b>	<b>12.446.101.813</b>
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	1.933.099.872	1.882.500.943
Chi phí vật liệu, bao bì, đồ dùng văn phòng	28.301.364	46.378.121
Chi phí khấu hao TSCĐ	136.847.971	75.870.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.655.045	117.334.778
Chi phí bằng tiền khác	325.394.708	505.315.101
<b>Cộng</b>	<b>2.483.298.960</b>	<b>2.627.399.126</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	70.706.364	-
Thu tiền phạt	71.129.900	7.744.500
Thu thanh lý vật tư	28.406.727	20.038.546
Thu nhập hoa hồng viễn thông	14.589.615	19.505.407
Chênh lệch công nợ	67.496.270	89.221.306
Xử lý công nợ	286.954.732	-
Thu vận chuyển, lắp ráp	105.808.791	150.342.194
Thu nhập khác	19.244.909	20.726.362
<b>Cộng</b>	<b>664.337.308</b>	<b>307.578.315</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2016	Năm 2015
<b>9. Chi phí khác</b>		
Phí niêm yết trả cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	15.000.000	15.000.000
Phí thực hiện quyền tham dự đại hội phải trả TT Lưu ký CK	10.000.000	5.000.000
Thanh lý sách, thiết bị dạy học, VPP, VHP	56.302.156	109.898.798
Phạt vi phạm hành chính	6.052.580	26.409.135
Chênh lệch công nợ	12.024	12.771
Hỗ trợ cho ngành giáo dục	-	6.000.000
Chi phí vận chuyển, lắp ráp	5.100.000	38.841.000
Chi phí khác	8.160.712	56.316.569
<b>Cộng</b>	<b>100.627.472</b>	<b>257.478.273</b>
<i>Thuyết minh hoạt động thanh lý tài sản</i>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Thu từ thanh lý	70.706.364	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	-
<b>Lãi/(lỗ) từ thanh lý tài sản</b>	<b>70.706.364</b>	<b>-</b>
<b>10. Chi phí kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Chi phí hàng hoá	47.394.361.012	44.343.574.239
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.130.166.484	994.989.319
Chi phí nhân công	9.639.850.386	9.436.272.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	463.752.951	2.138.221.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.848.346.923	3.797.286.622
Chi phí khác bằng tiền	514.680.412	562.038.468
<b>Cộng</b>	<b>62.991.158.168</b>	<b>61.272.382.966</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.684.013.830</b>	<b>6.225.789.468</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>	<b>(24.272.420)</b>	<b>47.263.471</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	32.152.580	101.163.471
+ Phí niêm yết	15.000.000	15.000.000
+ Phí thực hiện quyền tham dự đại hội phải trả TT Lưu ký CK.	10.000.000	5.000.000
+ Các khoản phạt và truy thu thuế tại TP. HCM	-	24.109.135
+ Tiền phạt vi phạm hành chính	6.052.580	2.354.336
+ Chi phí khác	1.100.000	54.700.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(56.425.000)	(53.900.000)
+ Cổ tức được chia	(56.425.000)	(53.900.000)
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)</b>	<b>7.659.741.410</b>	<b>6.273.052.939</b>
<b>4. Thuế suất thuế TNDN hiện hành</b>	<b>20%</b>	<b>22%</b>
<b>5. Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>1.531.948.282</b>	<b>1.380.071.647</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2016	Năm 2015
<b>12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.152.065.548	4.845.717.821
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(307.603.277)	(238.406.430)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	(67.200.000)	(85.290.000)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.777.262.271</b>	<b>4.522.021.391</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.926</b>	<b>1.507</b>
<b>13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.777.262.271	4.522.021.391
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>5.777.262.271</b>	<b>4.522.021.391</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.926</b>	<b>1.507</b>

**14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**14.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**14.2 Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các trên với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Năm nay</b>		
VND	+ 100	143.218.695
VND	- 100	(143.218.695)
<b>Năm trước</b>		
VND	+100	169.693.361
VND	-100	(169.693.361)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**14.3 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>				
Dưới 90 ngày	1.135.209.816	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	31.311.000
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>1.135.209.816</b>	-	-	<b>31.311.000</b>
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(31.311.000)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>1.135.209.816</b>	-	-	-
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>				
Dưới 90 ngày	1.252.100.376	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	31.311.000
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>1.252.100.376</b>	-	-	<b>31.311.000</b>
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(31.311.000)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>1.252.100.376</b>	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****14.4 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	5.939.829.068	-	-	5.939.829.068
Các khoản phải trả khác	85.206.854	1.281.796.476	-	1.367.003.330
<b>Cộng</b>	<b>6.025.035.922</b>	<b>1.281.796.476</b>	<b>-</b>	<b>7.306.832.398</b>
Ngày 31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	6.672.484.337	-	-	6.672.484.337
Các khoản phải trả khác	42.338.901	1.317.018.976	-	1.359.357.877
<b>Cộng</b>	<b>6.714.823.238</b>	<b>1.317.018.976</b>	<b>-</b>	<b>8.031.842.214</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và kiểm soát dòng tiền lưu chuyển thuận từ hoạt động để có thể thanh toán các khoản công nợ đến hạn thanh toán.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang số 37)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2016	Năm 2015
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.311.668.000	10.000.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2016	Năm 2015
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.311.668.000	10.000.000.000

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm 2016 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Nội dung	Giá trị (VNĐ)
Công ty TNHH Nguyễn Huy	Giám đốc Công ty Nguyễn Huy là cổ đông lớn của Công ty	Bán hàng	Số dư đầu năm	-
			Phát sinh tăng	46.274.000
			Phát sinh giảm	46.274.000
		Mua hàng	Số dư cuối năm	-
			Số dư đầu năm	28.042.519
			Phát sinh tăng	1.671.232.845
Hội đồng quản trị và Giám đốc	Nhân sự chủ chốt	Thù lao	Phát sinh tăng	60.000.000
			Phát sinh giảm	60.000.000
			Số dư cuối năm	15.000.000
		Lương	Số dư đầu năm	50.377.444
			Phát sinh tăng	685.677.871
			Phát sinh giảm	683.449.315
Số dư cuối năm	52.606.000			

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty là đơn vị kinh doanh sách, văn phòng phẩm, thiết bị thuộc lĩnh vực giáo dục và cho thuê bất động sản và không có các chi nhánh tại các địa phương khác, Công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận hoạt động kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị thuộc lĩnh vực giáo dục và hoạt động cho thuê mặt bằng, Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: (tiếp theo)**

Năm 2016	Kinh doanh sách, văn phòng phẩm, thiết bị thuộc lĩnh vực giáo dục	Hoạt động cho thuê mặt bằng	Tổng Cộng
	Doanh thu	62.152.137.796	9.153.654.551
Giá vốn	49.386.736.130	2.003.050.317	51.389.786.447
<b>Lãi gộp theo bộ phận</b>	<b>12.765.401.666</b>	<b>7.150.604.234</b>	<b>19.916.005.900</b>

Năm 2015	Kinh doanh sách, văn phòng phẩm, thiết bị thuộc lĩnh vực giáo dục	Hoạt động cho thuê mặt bằng	Tổng Cộng
	Doanh thu	58.662.707.174	8.874.930.540
Giá vốn	46.269.423.910	685.022.541	46.954.446.451
<b>Lãi gộp theo bộ phận</b>	<b>12.393.283.264</b>	<b>8.189.907.999</b>	<b>20.583.191.263</b>

**5. Thông tin so sánh**

Điều chỉnh cho phù hợp với số quỹ khen thưởng và phúc lợi công ty thực tế đã phân phối sau khi Đại Hội cổ đông năm 2016 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2015.

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>		<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2015</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.534	(27)	1.507
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.534	(27)	1.507

**6. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Mai Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Mạnh

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Cần



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu thương mại, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	31.311.000	-	31.311.000	-
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	31.311.000	-	31.311.000	-
		Trên 3 năm		Trên 3 năm

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	28.808.434.008	4.327.308.507	1.759.643.322	154.156.354	35.049.542.191
Mua trong năm	-	-	1.044.409.091	-	1.044.409.091
Chuyển sang BĐS	(21.921.996.540)	-	-	-	(21.921.996.540)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(142.699.957)	-	(142.699.957)
Số dư cuối năm	6.886.437.468	4.327.308.507	2.661.352.456	154.156.354	14.029.254.785
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	15.711.127.816	4.161.244.584	1.633.746.314	141.636.902	21.647.755.616
Khấu hao trong năm	1.618.384.484	82.634.561	142.196.799	12.519.452	1.855.755.296
Chuyển sang BĐS	(13.243.999.799)	-	-	-	(13.243.999.799)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(142.699.957)	-	(142.699.957)
Số dư cuối năm	4.085.512.501	4.243.899.145	1.633.243.156	154.156.354	10.116.811.156
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	13.097.306.192	166.063.923	125.897.008	12.519.452	13.401.786.575
Số dư cuối năm	2.800.924.967	83.409.362	1.028.109.300	-	3.912.443.629

- \* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.800.924.967 VND
- \* Nguyên giá tài sản cố định và BĐS đầu tư cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.677.391.267 VND
- \* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.
- \* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- \* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

11/2016 09/01/2017



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.2. Các khoản đầu tư tài chính**

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tp Đà Nẵng

Cộng

**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

31/12/2016		01/01/2016	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	-	-

31/12/2016

01/01/2016

Số lượng tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-				
Công ty TNHH Sách Đà Nẵng (*)	-	-	-	49%	490.000.000	-	490.000.000
<b>Cộng</b>	-	-	-		<b>490.000.000</b>	-	<b>490.000.000</b>

**- Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

(\*) Công ty đã góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Sách Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312327018 ngày 17 tháng 06 năm 2013, do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp có Vốn điều lệ là 1.000.000.000 VND. Trong năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 490.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ cho thành viên khác.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	2.707.300.000	4.580.052.554	1.347.620.376	4.156.108.636	42.791.081.566
Lợi nhuận sau thuế năm 2015	-	-	-	-	4.845.717.821	4.845.717.821
Trích quỹ	-	-	120.000.000	-	(120.000.000)	-
ĐC giảm quỹ theo TT200	-	-	1.347.620.376	(1.347.620.376)	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	24.109.135	24.109.135
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(241.507.771)	(241.507.771)
Thù lao HDQT và BKS	-	-	-	-	(84.000.000)	(84.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.707.300.000</b>	<b>6.047.672.930</b>	<b>-</b>	<b>4.680.427.821</b>	<b>43.435.400.751</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.707.300.000</b>	<b>6.047.672.930</b>	<b>-</b>	<b>4.680.427.821</b>	<b>43.435.400.751</b>
Lợi nhuận sau thuế năm 2016	-	-	-	-	6.152.065.548	6.152.065.548
Trích quỹ	-	-	238.021.391	-	(238.021.391)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.284.000.000)	(4.284.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(158.406.430)	(158.406.430)
Thù lao HDQT và BKS	-	-	-	-	(67.200.000)	(67.200.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.707.300.000</b>	<b>6.285.694.321</b>	<b>-</b>	<b>6.084.865.548</b>	<b>45.077.859.869</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VI.15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Phải thu khách hàng	1.166.520.816	(31.311.000)	1.283.411.376	(31.311.000)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	12.321.869.526	-	16.969.336.118	-
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.488.390.342</b>	<b>(31.311.000)</b>	<b>18.252.747.494</b>	<b>(31.311.000)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Phải trả người bán	5.939.829.068	-	6.672.484.337	-
- Nợ phải trả tài chính khác	1.367.003.330	-	1.359.357.877	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.306.832.398</b>	<b>-</b>	<b>8.031.842.214</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CP SÁCH VÀ TBTH ĐÀ NẴNG**  
**Mã chứng khoán: BED**  
**Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Đà Nẵng**

**GIẢI TRÌNH**  
**LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2016**  
**TĂNG SO VỚI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2015**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty có lợi nhuận sau thuế đạt 6.152.065.548 đồng, tăng 26,96% - tương ứng tăng 1.306.347.727 đồng so với năm 2015 (Lợi nhuận sau thuế năm 2015 là: 4.845.717.821 đồng) là do những nguyên nhân sau:

**Về doanh thu và lợi nhuận gộp:**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2016 tăng so với năm 2015 là 3.768.154.633 đồng, tương ứng tăng 5,58%.

Doanh thu tăng chủ yếu là từ hoạt động phát hành sách giáo dục. Các hoạt động kinh doanh khác ổn định và tăng nhẹ như văn phòng phẩm, lịch và dịch vụ cho thuê văn phòng. Doanh thu từ các nhà sách tăng 2,77% so với năm trước. Trong đó các mảng sách giáo khoa và văn phòng phẩm đều tăng. Doanh thu từ hoạt động in giảm nhẹ, trong đó in gia công sách giảm 38,69%, các hoạt động in khác tăng 148,9%.

Bên cạnh đó, thực hiện qui định về chế độ hạch toán đối với cho thuê văn phòng (Bất động sản đầu tư), toàn bộ chi phí khấu hao đối với tài sản dùng cho thuê văn phòng được hạch toán vào giá vốn của bất động sản đầu tư.

Vì sự thay đổi tỷ lệ tăng giảm của các hoạt động kinh doanh và giá vốn nên tỷ lệ giá vốn trên doanh thu năm 2016 là 72,07%, so với năm 2015 là 69,52%. Dẫn đến lợi nhuận gộp năm 2016 đạt 19.916.005.900 đồng, giảm 667.185.363 đồng, tương ứng giảm 3,24% so với năm 2015.

**Về chi phí:**

Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2016 so với năm 2015 giảm 1.514.648.835 đồng - tương ứng giảm 10,05%. Trong đó chi phí khấu hao đối với bất động sản đầu tư hạch toán vào giá vốn tương ứng 1.392.002.345 đồng. Các khoản mục chi phí còn lại đều có số giảm và ổn định.

Ngoài ra:

Thu nhập từ hoạt động tài chính và thu nhập khác năm 2016 tăng so với năm 2015 là 85,29% đạt 1.326.860.034 đồng. Từ lãi tiền gửi kỳ hạn, thu làm dịch vụ vận chuyển- lắp ráp hàng thiết bị giảng dạy, thu bán thanh lý tài sản và thu khác.

Thuế TNDN năm 2016 áp dụng thuế suất 20%, năm 2015 là 22%

Trên đây là những giải trình về nguyên nhân làm lợi nhuận sau thuế năm 2016 của Công ty tăng so với năm 2015. Công ty kính giải trình.

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

**NGƯỜI LẬP**

Nơi gửi:  
Như trên  
Lưu HC-TC



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Văn Côn*